

Bốn mươi hai tay mắt Thiên Thủ Quán Âm

Viết dịch: HUYỀN THANH

1_ **Như Ý Châu Thủ** (Tay cầm viên ngọc Như Ý):



_ Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_ Câu thứ 25 trong văn của bài Chú ghi là: “**Ma la ma la**” dịch nghĩa là *trong ngoài không dơ bẩn*, tức là **Như Ý Châu Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 31 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn cầu giàu có, mọi loại trân bảo vật dụng thì nên cầu nơi tay Như Ý Bảo Châu”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ nhất:

“Nếu người nào vì sự giàu có, mọi thứ trân bảo, vật dụng cần thiết thì nên cầu nơi bàn tay cầm viên ngọc Như Ý”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ nhất là:

Nếu muốn được tài bảo giàu có, nên tu Pháp MA NI..... Nay DŨ NGUYỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT, tay trái đặt ngang trái tim cầm Ma Ni, hình trạng trái châu màu lưu ly, ánh sáng vàng và phát ra ánh lửa. Tay phải kết Dữ Nguyện khế, co cánh tay hướng lên trên . Vẽ tượng như vậy xong, đặt ở nơi thanh tịnh, lễ bái, cúng dường, tác pháp niệm tụng.



Tượng Ấn đó là: hai tay buộc chặt, Tiến Lực (2 ngón trỏ) làm hình Ma Ni, Thiên Trí (2 ngón cái) kèm duỗi đứng, liền thành tự.

Chân ngôn là

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHẤN ĐA MA NI (Như Ý Châu) NHẬP PHỘC LA (Quang minh) PHỘC LA NI (Dữ nguyện) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म धर्ममणि ज्वाला

* OM VAJRA DHARMA CINTAMANI (? CINTÀ-MANI) JVALA VARANI SVÀHÀ.

2- Quyển Sách Thủ (Tay cầm sợi dây):



_ Tay thứ hai trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_ Bốn câu thứ 60,61,62,63 trong văn của bài Chú là: **“Na la cần trì, sa bà ha, ma la na la, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu Hiền Ai* , tức là **“Quyển Sách thủ nhân”** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 32 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn mọi thứ bất an trở thành điều an ổn thì nên cầu nơi tay Quyển Sách (Sợi dây to) ”

— **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ hai:

“Nếu người nào vì mọi thứ chẳng yên, cầu an ổn thì nên cầu nơi bàn tay cầm sợi dây (Quyển Sách)”

— **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ hai là:

Nếu người muốn được an ổn nên tu pháp Quyển Sách (Sợi dây) Tướng TRÌ SÁCH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT đó... chỉ có tay phải nắm quyền đặt ở eo phải. Tay trái co cánh tay lại cầm sợi dây, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là kết **Vị Phu Liên Hoa ấn** (ấn hoa sen chưa nở) Tiến Lực (2 ngón trỏ) giữ nhau như cái vòng. Dây gọi là Liên Hoa Sách (sợi dây hoa sen) hay mấn các ý nguyện.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT NÁ MA BÁ XẢ (Liên Hoa Sách) HỒNG (Hộ khắp) ĐỊA SẮT TRA (Phòng hộ, gia trì) TÁT VĨNG (Không có thể trái ngược) MA HÀM (Nơi tôi) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म पद्मपासा हुम अधिष्ठा स्वामं स्वहं

*OM VAJRA DHARMA PADMA PA'SA HUM ADHIṢṬA SVAMÀM SVÀHÀ.

3_ **Bảo Bát Thủ** (Tay cầm cái bình bát báu):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_Câu thứ 42 trong văn của bài Chú là: “**Hô lô hô lô hê lợi**” dịch nghĩa là *Tác Pháp tự tại* tức là **Bảo Bát Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 33 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn trị các bệnh khổ trong bụng thì nên cầu nơi tay Bảo Bát (Cái bát báu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ ba:

“*Nếu người nào vì các bệnh trong bụng thì nên cầu nơi bàn tay cầm bát báu*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ ba là:

Nếu người muốn trị bệnh trong bụng, có thể tu pháp Bát Báu.Nên vẽ tượng BẢO BÁT QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁTxong hai tay để ngang rốn cầm bình bát báu , liền thành.



Tướng Ấn đó là Lý Trí (2 tay trái phải) kết Nhập Định Ấn.

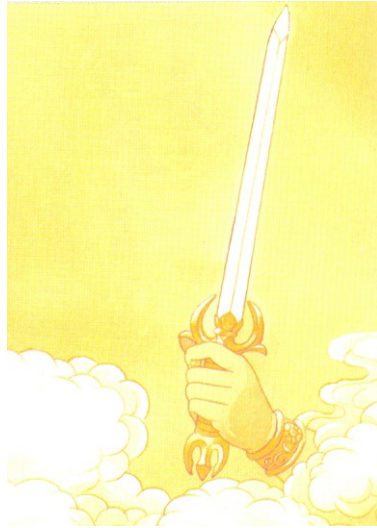
Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A Ô NÁ LA THÂU LAM (Không có bệnh trong bụng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म उदारसुलम् स्वहा

*OM VAJRA DHARMA A UDARA'SULAM (?SÙLAM) SVÀHÀ.

4_ **Bảo Kiếm Thủ** (Tay cầm cây kiếm báu):



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 50 trong văn của bài Chú là: **”Địa lợi sắt ni na”** dịch nghĩa là *kiên lợi* tức **Bảo Kiếm Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 15 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn giáng phục tất cả Vọng Lượng Quỷ Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Kiếm (cây kiếm báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tư:

“Nếu người nào vì giáng phục tất cả Vọng Lượng, Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây kiếm báu”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ tư là:

Nếu muốn giáng phục Vọng Lượng Quỷ Thần, nên tu pháp Kiếm báu. Tướng **BẢO KIẾM QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT** đó chỉ có tay phải cầm cây kiếm hợp chắc. Tay trái đặt trên eo, đem ngón cái đè lên móng của Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh) Hỏa Phong (ngón giữa ,ngón trỏ) kèm cứng, Ấn đó hướng về thân an, vẽ tướng xong.



Tướng Ấn đó là Tay phải ngón cái đè lên móng 2 ngón Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh), kèm chắc Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) liền thành.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIỆT NGA (cây kiếm)
TÁT PHỘC LAM LA HA (Tất cả quỷ) TÁT BÀ TRA (Phá hoại) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म रक्ष सर्वग्राह
ॐ वज्रधर्म रक्ष सर्वग्राह

* OM VAJRA DHARMA KHAṄGA (? KHADGA) SARVA GRAHÀ
SPHAṬ SVÀHÀ.

5_ **Bạt Chiết La Thủ** (Tay cầm chày Kim Cương Tam Cổ):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp,
là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 68, 69 trong văn của bài Chú là: **”Giả cát la , a tất đà dạ, sa bà ha**
” dịch nghĩa là *thành tựu sự không thể so sánh* tức **Bạt Chiết La Thủ Nhân** trong
tượng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng
BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tượng tay thứ 36 trong Kinh Văn:

*”Nếu muốn giáng phục tất cả Thiên Ma , Ngoại Đạo thì nên cầu nơi tay **Bạt Chiết La**”.*

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM
ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tượng tay thứ năm:

*”Nếu người nào vì giáng phục tất cả Thiên Ma, Thần thì nên cầu nơi bàn tay
cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Tam Cổ)”*

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tượng tay
Ấn thứ năm là:

Nếu muốn giáng phục Đại Ma Thần, nên tu pháp Phộc Nhật La (tay Tam Cổ
Xử) Tượng KIM CƯƠNG QUÁN TỰ TẠI đó.... xong tay phải cầm chày Tam Cổ đặt
ở eo phải. Tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là Tay phải ngón cái đề lên đồng với móng ngón út, các ngón còn lại như hình Phộc Nhật La, chuyển bên trái 3 vòng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ NGỘT LÝ (Chủng tử) PHỘC NHẬT LA BÀ NI (Chấp Kim Cương) MA LA BÁT LA MA LẬT DẠ (Hộ Ma) SA PHỘC HẠ.

ॐ ॐ वज्रपणि मारप्रमथन मूढ

* OM HRÌḤ VAJRAPÀṆI MÀRÀ PRAMATHANA (?PRAMARDANA) SVÀHÀ.

6_ Kim Cương Xử Thủ (Tay cầm chày Kim Cương Độc Cổ):



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 43 trong văn của bài Chú là: ”**Sa la sa la** ” dịch nghĩa là *súc bền chắc* tức **Kim Cương Xử Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 16 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn tôi phục tất cả oán đối thù địch , nên cầu nơi tay Kim Cương Xử*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ sáu:

“*Nếu người nào vì tôi phục tất cả oán địch thì nên cầu nơi bàn tay cầm chày Kim Cương (chày Độc Cổ)*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh:** Tượng tay Ấn thứ sáu là:

Nếu người muốn đập nát oán địch nên tu pháp Kim Cương Xử (Độc Cổ Kim Cương) Tượng TRÌ XỬ QUÁN TỰ TẠI đó...chỉ có tay trái nắm quyền đặt ở eo. Tay phải cầm chày Độc Cổ đặt ở hông mà y như thế đập đánh, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trở, dùng Ấn làm thế đập nát.

Chân Ngôn là:

ÁN_ NGỘT LÝ (chủng tử) PHỘC NHẬT LA BÁ NINH (Trì Kim Cương) TÁT PHỘC THIẾT ĐỐT LỔ (tất cả oán địch) SA PHÁ TRA DÃ (phá hoại) SA PHỘC HẠ.

ॐ ॐ वज्रपणि मत् सित् सूर्य स्र

* OM HRĪḤ VAJRAPĀṆI SARVA ‘SATRŪ SPHAṬYA (?SPHOTAYA) SVĀHĀ.

7_ **Thí Vô Úy Thủ :**



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_ Câu thứ 72,73 trong văn của bài Chú là: ”**Na la cần trì bá già la gia, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu quang minh tự tại* tức **Thí Vô Úy Thủ Nhãn** trong tượng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ hai trong Kinh Văn:

“Nếu muốn trừ sự sợ hãi chẳng yên ở tất cả thời , tất cả nơi thì nên cầu nơi tay Thí Vô Úy”

_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ bảy:

“Nếu người nào vì tất cả chốn sợ hãi, chẳng an thì nên cầu nơi bàn tay Thí Vô Úy”

_ Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ bảy là:

Nếu muốn lia sợ hãi nên tu pháp Thí Vô Úy. Tượng TRỪ BỐ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT chỉ duỗi 5 ngón tay phải hiện chưởng, tay trái duỗi 5 ngón nâng đặt ở trên vú trái hiện chưởng, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó như tướng tay ấn của tượng vẽ.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC THA (khấp kẻ khác) NHĨ NA NHĨ NA (thắng, năng thắng) BỘI DÃ NẮNG XA NA (trừ khủng bố) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्वथा जिन जिन भया ना'सना

* OM VAJRA DHARMA SARVATHA JINA JINA BHAYA NÀ'SANA SVÀHÀ.

8_ Nhật Tinh Ma Ni Thủ (Tay cầm vành mặt trời):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 32 trong văn của bài Chú là: **”Thất phật la gia”** dịch nghĩa là *phóng ánh sáng* tức **Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ ba trong Kinh Văn:

“Nếu người bị mắt mờ không có ánh sáng thì nên cầu nơi tay Nhật Tinh Ma Ni”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tám:

“Nếu người nào vì mắt bị mờ tối không có ánh sáng thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nhật Tinh Ma Ni”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ tám là:

Nếu người bị mắt mờ cầu ánh sáng, có thể tu pháp Nhật Tinh Ma Ni. Tượng NHẬT TINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT... chỉ có tay trái trên bàn tay cầm Hoả Pha Lê (Nhật tinh) tay phải giữa lòng bàn tay đặt ở trái tim, vẽ tượng xong.



Tướng ấn đó là Nâng tay Định (tay trái) làm thế nhận mặt trời, quán trong mắt của ta có chữ [𑖣 (MA)-trong mắt phải, 𑖄 (T) trong mắt trái] Nếu muốn được Thiên Nhãn, quán ngay giữa hai lông mày có một con mắt.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A NHĨ ĐỊA GIA (Mặt trời) NHẬP PHỘC LA (Quang minh) NHĨ KHẮT SÔ (con mắt) SA PHỘC HẠ.

𑖀 𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅

*OM VAJRA DHARMA ÀDITYA JVALA CAKṢU SVÀHÀ.

9_ **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ** (Tay cầm vành mặt trăng):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **”Độ lô độ lô”** dịch nghĩa là *sự trong sạch của ánh sáng* tức **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tư trong Kinh Văn:

“Nếu muốn trị bệnh Nhiệt Độc mà cầu sự mát mẻ thì nên cầu nơi tay Nguyệt Tinh Ma Ni”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ chín:

“Nếu người nào vì bệnh nhiệt độc, cầu được mát mẻ thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ chín là:

Nếu muốn tiêu trừ tất cả nhiệt não nên tu pháp Nguyệt Tinh Ma Ni .Tượng NGUYỆT TINH QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay phải mở lòng bàn tay cầm Thủy Pha Lê, tay trái duỗi 5 ngón làm thế xoa thân,vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó như tay ấn của tượng.

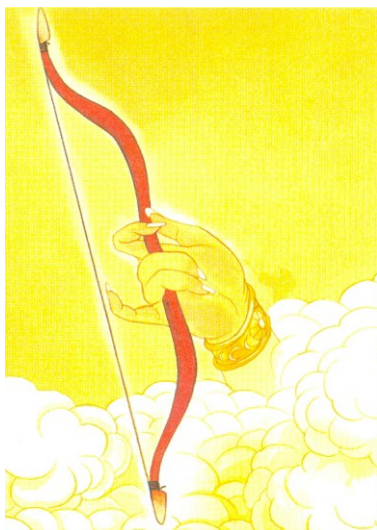
Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHIẾN NẠI GIA (Mặt trắng) TÁT PHỘC NÁ HẠ BÁT LA XẢ NHĨ (trừ tất cả nhiệt não) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रवर्म वज्र मङ्गलं वज्र वज्र वज्र वज्र वज्र

* OM VAJRA DHARMA CANDRA SARVA DAHA PRA'SAMANA (?
DÀHA PRA'SAME) SVÀHÀ.

10_ **Bảo Cung Thủ** (Tay cầm cây cung báu):



_ Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_ Câu thứ 39 trong văn của bài Chú là: "**Phật sa phật sâm**" dịch nghĩa là *lời nói vui mừng* (Hoan Ngĩ) tức **Bảo Cung Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ năm trong Kinh Văn:

"Nếu vì thăng Quan tiến chức , cầu mong Quan Vị thì nên cầu nơi tay Bảo Cung (Cây Cung báu)" .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ mười:

"Nếu người nào muốn thăng Quan tiến Chức thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Cung báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ mười là:

Nếu muốn thăng quan tiến chức nên tu pháp Cây cung báu. Tượng TRÌ CUNG QUÁN TỰ TẠI xong tay Định Tuệ (tay trái,tay phải) cầm cây cung nằm ngang làm thế tính số do tuần, vẽ tượng xong



Tượng Ấn đó là Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIẾN TRA ĐÀ NỔ SA (cây cung) A BÁT LA ĐỂ HA ĐA GIA (không có chướng ngại) TAM MA ĐỊA SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म केतु धण्डसि मयगतय समध्द स्वध

* OM VAJRA DHARMA KETI DHANḌASI (?KANṬHA-DHANUS) APRATIHAṬĀYA SAMADHI (?SAMĀDHI) SVĀHĀ.

11_ **Bảo Tiễn Thủ** (Tay cầm mũi tên báu):



_ Tay thứ năm trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_ Câu thứ 51,52 trong văn của bài Chú là: **”Bà dạ ma na, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu tiếng tăm* (danh văn) tức **Bảo Tiễn Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ sáu trong Kinh Văn:

”Nếu muốn sớm gặp các bạn lành thì nên cầu nơi tay Bảo Tiễn (Mũi tên báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 11:

”Nếu người nào vì các bằng hữu tốt, sớm được gặp nhau thì nên cầu nơi bàn tay cầm mũi tên báu”.

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tượng tay Ấn thứ 11 là:

Nếu muốn có bạn lành nên tu pháp mũi tên báu. Tượng **TỔC TRỰC QUÁN TỰ TẠI**... chỉ có tay phải cầm mũi tên, đặt đầu mũi tên lên trên tay trái, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền bung đứng ngón trỏ, ngón giữa, dùng ấn làm thế kêu gọi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) LA ĐÁT NA KIẾM NOA (mũi tên báu) MAN THÙ (diệu âm) TÁT ĐÁT BÀ (chúng sinh) DUỆ Ế DUỆ TỬ (mau lại) LA NGÃ LA NGÃ (ái nhiễm, ái nhiễm) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म रत्नकण्ठ मञ्जुसत्वा ह्येहि रागा रागा स्वहा

*OM VAJRA DHARMA RATNA-KANḌA (?KANḌA) MAṂJU-SATVA EHYEHI RÀGA RÀGA SVÀHÀ.

12_ Dương Chi Thủ (Tay cầm cành Dương Liễu):



_Tay thứ tám trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Santika)

_ Câu thứ 35 trong văn của bài Chú là: **”Mục đế lệ”** dịch nghĩa là *Giải thoát* tức **Dương Chi Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tám trong Kinh Văn:

”Nếu muốn trừ mọi thứ bệnh nạn trên thân thì cầu nơi tay Dương Liễu Chi” .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 12:

“Nếu người nào vì mọi loại bệnh trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cành Dương Liễu”.

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tượng tay Ấn thứ 12 là:

Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân nên tu pháp thuốc của ngành dương liễu. Tượng DƯỢC VƯƠNG QUÁN TỰ TẠI... chỉ có tay phải cầm ngành dương liễu, tay trái đặt trên vú hiển chướng, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là tay phải co cánh tay, buông các ngón rũ xuống. Tụng chân ngôn xong, xoa trên thân thể.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BỆ SÁT NHĨ GIA (thuốc) LA NHẠ GIA (vua) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म रक्षयिष्य रक्षयिष्य

*OM VAJRA DHARMA BHAIṢAJIYA RÀJAYA (? RÀJÀYA) SVÀHÀ.

13_ **Bạch Phát Thủ** (Tay cầm cây phát trắng):



_ Tay thứ tư trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_ Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: “**Ma ma**” dịch nghĩa là *đạt nơi chí thiện* tức **Bạch Phát Thủ Nhân** trong tượng tay Đại Bi.

_ Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ chín trong Kinh Văn:

“Nếu muốn diệt trừ tất cả chướng nạn ác thì nên cầu nơi tay Bạch Phất”

_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 13:

“Nếu người nào vì trừ chướng nạn ác trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây phất trắng”

_ Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 13 là:

Nếu muốn giải thoát tất cả chướng nạn nên tu pháp cây phất trần trắng, tượng PHẤT NẠN QUÁN TỰ TẠI... xong tay phải co cánh tay hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái cầm cây phất trần trắng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là tay trái co cánh tay, rũ các ngón tay xuống dưới, tụng Chú chuyển bên trái.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) THỨ CA LA PHỘC LA NHĨ DÃ CHẾ NẮNG (phất trần trắng) TÁT PHỘC MA LA BÀ GIA (tất cả chướng nạn) VĨ MỤC KHẮT ĐỂ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सुक्रवलव्याजाना सर्वमाराभया विमुक्तिं स्वहा ॐ
* OM VAJRA DHARMA 'SUKRA VALAVYAJANA ('SUKLA-
VALAVYA-JANA) SARVA MÀRA-BHAYA VIMUKTI SVÀHÀ.

14_ **Hồ Bình Thủ** (Tay cầm cái Hồ Bình):



_Tay thứ năm trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 49 trong văn của bài Chú là: **”Na la cần trì”** dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Bảo Bình Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ mười trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tất cả Quyển Thuộc khéo hòa hợp thì nên cầu nơi tay Bảo Bình” .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 14:

“Nếu người nào vì tất cả quyển thuộc khéo hòa thuận thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Hồ Bình”.

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 14 là:

Nếu muốn cầu quyển thuộc hòa thuận an lành nên tu pháp Hồ Bình, tượng TRÌ BÌNH QUÁN TỰ TẠI ...chỉ có tay phải cầm Hồ bình, đầu cái bình như đầu chim Kim Xí điệu, tay trái để trên rốn hướng lên trên thành thế nhận cái Hồ bình, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là ấn hoa sen chưa nở, mở đứng 2 Không (2 ngón cái) cùng hợp ngón trỏ.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) MA HẠ MUỘI ĐÁT LÝ (Đại Từ) VĨNG BÀ PHỘC (phát sinh) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म मन्त्रि उद्भव सन्

* OM VAJRA DHARMA MAHÀ MAITRI UDBHAVA (?MAITRI-SAMBHAVA) SVÀHÀ.

15_ **Bàng Bài Thủ** (Tay cầm cái Bàng Bài):



_Tay thứ năm trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **”Phạt xà gia đế”** dịch nghĩa là *Độ sống chết* tức **Bàng Bài Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 11 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tịch trừ tất cả cạp, sói, các loài thú ác thì nên cầu nơi tay Bàng Bài” .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 15:

“Nếu người nào vì tịch trừ tất cả cạp, chó sói, báo, các thú ác thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Bàng Bài”.

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 15 là:

Nếu muốn tịch trừ tất cả thú ác nên tu pháp Bàng Bài, tướng HIỆN NỘ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁTchỉ có tay trái hướng ra ngoài cầm hình Bàng Bài.Tay phải kết Quyền ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là tay trái hướng ra ngoài duỗi các ngón tay xoay chuyển, tay phải nắm quyền làm thế đánh kẻ khác.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC MỘT LÝ THỦY CHỈ CA TÁT PHẢ NẮNG CÂU LA (Ngươn xà, chuột, lang...) TỬ DỤNG HẠ (sư tử) VĨ DÃ GIÀ LA (đại trùng) LÝ KHẮT XA (con gấu) ĐÁ LA LÝ KHẮT XA

(con Bi) GIÁ MẠT LA NHĨ VĨ NGOA (cá Ma Kiệt) HỒNG (niệm khủng bố) PHÁT TRA (phá hoại) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्ववृक्षिक सर्व नाकुल शिखर श्रुत्य शिखर गजशिखर
वमि रिकषा तारा रिकषा कामरा जिविका (?JIVIBHE) HUM
PHAT SVÀHÀ.

*OM VAJRA DHARMA SARVA VR'SCIKA SARPA NAKULA SIMHA
VYÀGHRA RIKṢA TARA RIKṢA CAMARA JIVIKA (?JIVIBHE) HUM
PHAT SVÀHÀ.

16_ Phủ Việt Thủ (Tay cầm cây búa):



_Tay thứ sáu trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathagata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_Câu thứ 64,65 trong văn của bài Chú là: **”Tất la tăng, a mục khư gia, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu Phước Đức* tức **Việt Phủ Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 12 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn ở tất cả thời, tất cả nơi xa lìa Quan nạn thì nên cầu nơi tay Việt Phủ (Cây Búa lớn)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 16:

“Nếu người nào vì tất cả Thời Xứ khéo lìa nạn quan quyền thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây búa”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 16 là:

Nếu muốn lìa nạn của quan quyền nên tu pháp Phủ việt (cây búa lớn) ,tượng TRẦN NẠN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁTxong tay phải cầm phủ việt , tay trái nắm quyền đặt ở eo,vẽ tượng xong.



Tượng ấn đó là co tay phải như thế cầm búa, dùng ấn chuyển hồi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) PHẢ LA THỨ (phủ viết)
LA NHẠ BÀ GIA (nạn vua chúa) VĨ MỤC KHẮT ĐỂ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म परासु राजभय विमुक्ति स्वहा

*OM VAJRA DHARMA PARA'SU RÀJABHAYA VIMUKTI SVÀHÀ.

17_ **Ngọc Hoàn Thủ** (Tay cầm cái vòng ngọc)



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 41 trong văn của bài Chú là: **”Hô lô hô lô, ma la”** dịch nghĩa là *làm Pháp như ý* tức **Ngọc Hoàn Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 34 trong Kinh Văn:

”Nếu muốn có nam nữ và tôi tớ thì nên cầu nơi tay Ngọc Hoàn (Cái Vòng ngọc)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 17:

”Nếu người nào vì tôi tớ nam nữ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái vòng ngọc”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 17 là:

Nếu cầu nam nữ tội tở nên tu hành pháp cái vòng ngọc. Tượng TRÌ HOÀN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... xong tay trái để ở trái tim cầm vòng ngọc, tay phải che trên vòng ngọc như cái lọng, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là dùng tay trái nắm cổ tay phải cũng dùng tay phải nắm cổ tay trái, bên trái biểu thị cho nữ, bên phải biểu thị cho nam.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) VĨ SÁI DÃ (cảnh giới)
LIỆP ĐÀ (đạt được) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म लब्धाय नमः

*OM VAJRA DHARMA VIṢAYA PRÀPTA (?LABDHA) SVÀHÀ.

18_ Bạch Liên Hoa Thủ (Tay cầm hoa sen trắng):



_ Tay thứ tư trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_ Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: **"Yết môn"** dịch nghĩa là *biện sự* tức **Bạch Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 19 trong Kinh Văn:

"Nếu vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi tay Bạch Liên Hoa (Hoa Sen trắng)"

— **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 18:

“Nếu người nào vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen trắng”

— **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 18 là:

Nếu muốn thành tựu công đức nên tu pháp Hoa sen trắng, tượng PHÂN TRÀ LỢI QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn Thuyết Pháp, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là Khai Phu Liên ấn (ấn hoa sen hé nở) .

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SÂM BÀ PHỆ BÁT NÁ MA (hoa sen trắng) NI PHÚ NHĨ (Dùng vòng hoa để trang nghiêm Pháp Thân) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म संभवस्य लक्ष्मि सदा

* OM VAJRA DHARMA SAMBHAVE-PADMA NIPUNA (?MÀLINI) SVÀHÀ.

19_ **Thanh Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen xanh):



— Tay thứ năm trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: **”Lợi đà dựng”** dịch nghĩa là *Tâm hoa sen* (Liên Hoa Tâm) tức **Thanh Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 20 trong Kinh Văn:

“Nếu vì muốn được sinh về 10 phương Tịnh Thổ thì nên cầu nơi tay Thanh Liên Hoa (Hoa Sen xanh)”.

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 19:

“Nếu người nào vì muốn được sinh về Tịnh Độ ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen xanh”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 19 là:

Nếu muốn vãng sinh về Tịnh Thổ ở 10 phương nên tu pháp Hoa Sen Xanh, tượng KIẾN PHẬT QUÁN TỰ TẠI.....xong tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái đặt trên vú trái hiển chưởng,vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là tác Liên Hoa Hợp Chưởng, bung như thế hoa nở.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TỤY LA BÁT NẠP MA (hoa sen xanh) ỔN NGHIỆT ĐÁ (sinh) BỘT ĐÀ VĨ SÁI UẤN (Phật quốc) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म नीलपद्म उद्गत बुद्धविषय सुद्ध

*OM VAJRA DHARMA NILAPADMA UDGATA BUDDHA-VIṢAYA (? VIṢAYAM) SVÀHÀ.

20_ **Bảo Kính Thủ** (Tay cầm cái gương báu):



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 37 trong văn của bài Chú là: **”Thất na tất na”** dịch nghĩa là *Đại Trí* tức **Bảo Kính Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 23 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn thành tựu Trí Tuệ rộng lớn thì nên cầu nơi tay Bảo Kính (cái gương báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 20:

“Nếu người nào vì Trí Tuệ lớn thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái gương báu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 20 là:

Nếu người cầu Trí Tuệ nên tu pháp cái gương báu, tượng KÍNH TRÍ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT...chỉ có tay trái để ngay trái tim cầm cái gương báu hướng ra ngoài, tay phải kết Trí Quyền Ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là tay phải nắm quyền đặt ở eo, tay trái mở duỗi ra nâng lên trước mặt, thấy Ấn này tướng thấy Đại Viên Kính Trí.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC TẮT ĐỊA (thành tựu tất cả) MA HA CHỈ NHƯNG NĂNG (Đại Trí Tuệ) SA PHỘC HẠ.

ॐ वरुण म् म् म् म् म् म् म् म्

*OM VAJRA DHARMA SARVA SIDDHI MAHÀ-JÑÀNA SVÀHÀ.

21_ **Tử Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen tím):



_ Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_ Câu thứ 40 trong văn của bài Chú là: **"Phật la xá gia"** dịch nghĩa là *binh hòa* tức **Tử Liên Hoa Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 21 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn diệt kiến tất cả mười phương chư Phật thì nên cầu nơi tay Tử Liên Hoa (Hoa Sen tím)"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 21:

"Nếu người nào vì muốn diệt kiến tất cả chư Phật ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen tím"

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 21 là:

Nếu người muốn thấy các Như Lai nên tu pháp hoa sen tím, tượng KIẾN LIÊN QUÁN TỰ TẠI...xong tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên đặt ở trái tim, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là kết Liên Hoa Hợp Chưởng như thế hoa nở, rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NHỮ LÃO LA SA BÁT NẠP MA (hoa sen tím) TÁT PHỘC BỘT ĐÀ (tất cả Phật) CHỈ HOẠI NẮNG (trí) SA KHẮT SÔ TỶ GIA (nhìn thấy) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म रुद्रपद्म मत् सर्व बुद्ध सर्व बुद्ध स्व

* OM VAJRA DHARMA JAMBURA (?NĪLO-LĀKṢĀ) PADMA SARVA BUDDHA JÑĀNA CAKṢOBHYA (?SAKṢĪBHYAḤ) SVĀHĀ.

22_ **Bảo Khiếp Thủ** (Tay cầm cái rương báu):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 57,58,59 trong văn của bài Chú là: ”**Tất đà dụ nghệ, thất bá la dạ, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu lợi ích* tức **Bảo Khiếp Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 27 trong Kinh Văn:

“*Nếu mong cầu mọi loại kho tàng trong lòng đất thì nên cầu nơi tay Bảo Khiếp (cái rương báu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 22:

“*Nếu người nào vì kho tàng chôn vùi trong lòng đất thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái rương báu*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 22 là:

Nếu muốn thấy kho tàng ở trong lòng đất nên tu pháp cái rương báu, tướng KIẾN ẮN QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay trái cầm rương báu, tay phải làm thế mở nắp rương,vẽ hình xong.



Tướng Ấn là ngửa tay trái, đem tay phải che bên trên tay trái, tụng Chân Ngôn xong, sau đó mở nắp rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHUỐC CỤ SỐ (mắt chính) GIÀ TRA GIA (khai mở) A BÁT LA ĐỂ HA ĐÁ GIA (không có các chương ngại) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म वज्र धर्म जय जय जय ह्रूं

* OM VAJRA DHARMA CAKṢU JATAYA (?UDGHATAYA) APRATIHATAYA SVÀHÀ.

23_ Ngũ Sắc Vân Thủ (Tay cầm mây ngũ sắc):



_Tay thứ tám trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akaraṇi)

_Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: **”Ma hề ma hề”** dịch nghĩa là *Đại Tự Tại* tức **Ngũ Sắc Vân Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

”Nếu vì cầu thành tựu Phật Đạo thì nên cầu nơi tay Ngũ Sắc Vân (đám mây năm màu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 23:

”Nếu người nào vì Tiên Đạo thì nên cầu nơi bàn tay cầm mây ngũ sắc”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh:** Tượng tay Ấn thứ 23 là:

Nếu người vì thành tựu pháp Tiên nên tu pháp đám mây ngũ sắc, tượng TIÊN VÂN QUÁN TỰ TẠI...xong tay phải cầm đám mây ngũ sắc, tay trái nâng lên trên cầm đầu cái áo khoác ngoài (Thiên Y) để mặc, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là hai tay phải trái kết Vũ Khế (ấn múa) làm tượng bay.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁN GIẢ LỘ BA MÍNH GIÀ (mây ngũ sắc) TẮT ĐÀ VĨ ĐỊA DÃ ĐÀ LA NAM (thành tựu Minh Tiên) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म चक्रधरस्य सह वज्रधर्मस्य सुह

* OM VAJRA DHARMA PAMCARÛPA-MEGHA SIDDHA VIDYA (? VIDYÀ) DHÀRANÀM SVÀHÀ.

24_ **Quân Trì Thủ** (Tay cầm bình Quân Trì):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 30 trong văn của bài Chú là: "Đà la đà la" dịch nghĩa là *Năng Tổng Ấn Trì* tức **Quân Trì Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni:** Bản dịch của Tam Tạng **BẮT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ bảy trong Kinh Văn:

“Nếu mong cầu sinh lên các Trời Phạm Thiên thì nên cầu nơi tay Quân Trì Bình”

— **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 24:

“Nếu người nào vì sinh về cõi Phạm Thiên thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái bình Quân Trì”

— **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 24 là:

Nếu người muốn sinh lên cõi Phạm Thiên nên tu pháp cái bình Quân Trì, tượng THIÊN ĐỊNH QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay phải cầm cái bình Quân Trì, tay trái làm tướng suy tư, dựng đứng đầu gối phải, đặt cánh tay phải trên đầu gối, đem chưởng trái để ở giữa gò má và lông mày, vẽ tướng xong.



Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hợp cổ tay.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SA PHỘC BÀ PHỘC (tự tính) MỘT LA HA MA NI ĐỀ BÀ (Phạm Thiên) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म स्वभाव ब्रह्मनिदेवा स्वहा

*OM VAJRA DHARMA SVABHAVA (?SVA-SVA) BRAHMANI-DEVA SVÀHÀ.

25_ **Hồng Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen hồng):



—Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 70,71 trong văn của bài Chú là: **”Ba ðà ma yết tất ðá dạ, sa bà ha ”**
dịch nghĩa là *thành tựu Thiện Thắng* tức **Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng
tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng
BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 22 trong Kinh Văn:

*”Nếu mong cầu sinh về các Cung Trời thì nên cầu nơi tay Hồng Liên Hoa (Hoa
Sen hồng)”*

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM
ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 25:

*”Nếu người nào vì sinh về cung Trời thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen
hồng”*

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay
Ấn thứ 25 là:

Nếu người muốn sinh ở cung điện của chư Thiên nên tu pháp Hoa Sen hồng,
tượng THIÊN HOA QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay trái cầm hoa sen hồng, co cánh tay
phải chỉ lên trời, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn tác Khai Phu Liên Hoa ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CỬ SÁCH TẮT BÀ
BÁT NẠP MẠ (Hoa sen hồng) TẮT PHỘC ĐỀ BÀ ỒN NGHIỆT ĐA (sinh tất cả
Trời) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म कुशुभस मत्स्र उक्त स्र

*OM VAJRADHARMA KUSUBHA-(?KUSUMBHA) PADMA SARVA
DEVA UDGATA SVÀHÀ.

26_ **Bảo Kịch Thủ** (Tay cầm cây Kịch báu):



_ Tay thứ bảy trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (‘Sàntika)

_ Câu thứ 29 trong văn của bài Chú là: **”Ma ha phật xà gia đế”** dịch nghĩa là *Thắng Đại Pháp Đạo* (Đường lối của Đại Pháp thù thắng) tức **Bảo Kích Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BẮT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 29 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tịch trừ kẻ nghịch tặc oán địch ở phương khác thì nên cầu nơi tay Bảo Kích (cây kích báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26:

“Nếu người nào vì tịch trừ giặc nghịch từ phương khác đến thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Kích báu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 26 là:

Nếu vì người thù nhiếp cột trời giặc cướp đối nghịch nên tu pháp Kích Sao (cây kích báu). Tượng **PHÁ TẶC QUÁN TỰ TẠI** Bồ Tát... xong tay trái đưa lên trên cầm thân của cây kích dài. Tay phải mở bung đè lên eo phải, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là tay trái kết Tam Cổ Ấn đưa dài lên trên, quyền phải đặt ở eo.

Chân Ngôn là:

ÁN _ **PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA** (Kim Cương Pháp) **A VĨ XÃ** (thu nhiếp cột trời) **CHỦ LA BÀ GIA** (nạn giặc cướp) **HỒNG PHÁT TRA SA PHỘC HẠ**

ॐ वज्रदम मन्त्रि शरदय हू हू हू

* OM VAJRA DHARMA AVI'SA (?ÀVI'SA) CORABHAYA HÙM PHAT SVÀHÀ.

27_ **Bảo Loa Thủ** (Tay cầm vỏ ốc báu):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: **”Câu lô câu lô”** dịch nghĩa là *tác Pháp* tức **Bảo Loa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 30 trong Kinh Văn:

”Nếu muốn hô triệu (kêu gọi) tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Loa (cái loa báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 27:

”Nếu người nào vì hô triệu tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Loa báu (vỏ ốc báu)”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 28 là:

-Nếu vì hô triệu tất cả Thiện Thần cầu xin thủ hộ thì nên tu pháp Bảo Loa, tướng **TRÌ LOA QUÁN TỰ TẠI**...Xong tay trái cầm cái Loa báu, tay phải nắm quyền duỗi ngón Phong (ngón trỏ) làm thế kêu gọi, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là chắp hai tay lại giữa rỗng, co 2 ngón phong (2 ngón trỏ) đều buộc ở lưng 2 ngón cái . Hai Không (2 ngón cái) đều ló ra giữa khe của 2 ngón trỏ và giữa, dùng miệng làm thế thôi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) MA HA ĐẠT MA NGỘT LÝ (Đại pháp âm) ÁM (Trần khắp cả) TÁT PHỘC ĐỀ BÀ NẮNG NGA (Tất cả Trời Rồng) DƯỢC KHẮT XOA (Dược Xoa) DUỆ Ế DUỆ TỬ (mau đến) LA KHẮT XOA LA KHẮT XOA HÀM (ủng hộ) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म मन्त्रं ह्रीं शं सर्वदेव नमः यक्ष यक्षिण्यै नमः

*OM VAJRA DHARMA MAHA DHARMA HRİH. AM SARVA DEVA NAGA YAKSA EHYEHI RAKSA RAKSA MAM SVÀHÀ.

28_ **Độc Lâu Trượng Thủ** (Tay cầm cây gậy đầu lâu):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 36 trong văn của bài Chú là: ”**Y hê di hê**” dịch nghĩa là *thuận dạy bảo* (Thuận Giáo) tức **Độc Lâu Trượng Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 13 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống trái thì nên cầu nơi tay Độc Lâu Trượng (Cây gậy đầu lâu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 28:

“*Nếu người nào vì sai khiến tất cả Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây gậy đầu lâu*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 29 là:

Nếu người muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần nên tác pháp Độc Lâu (gậy đầu lâu) Tướng PHỘC QUỶ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay phải cầm cây gậy đầu lâu, quyền trái đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là quyền trái đặt ở eo, co cánh tay phải đưa lên trên tác Kim Cương Quyền, dùng ấn làm thế triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NOA SỬ DÃ MA TÁT PHẢ ĐÀ LA (Đầu người chết) TÁT PHỘC NGHIỆT LA HA (tất cả Quỷ) A PHỘC XẢ (thu nhiếp cột trời) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म मृतामनुष्य मस्य धर्म मन्वस्य मन्वस्य मन्वस्य

* OM VAJRA DHARMA MRITA-MANUSYA MÀSPHA (?SÌRAS-KAPÀLA) DHÀRA SARVA GRAHÀ AVI'SA (?GRAHA-ÀVI'SA) SVÀHÀ.

29_ **Sổ Châu Thủ** (Tay cầm tràng hạt):



_Tay thứ ba trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: **”Phật la xá lợi”** dịch nghĩa là *thân giác ngộ* (Giác Thân) tức **Sổ Châu Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 14 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến trao tay thì nên cầu nơi tay Sổ Châu “

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 29:

“Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến trao vào bàn tay thì nên cầu nơi bàn tay cầm tràng hạt”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh:** Tượng tay Ấn thứ 27 là:

Nếu vì chư Phật đến trao vào tay nên tu pháp Sổ châu (tràng hạt).Tượng NIỆM CHÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT....Xong tay phải cầm chuỗi tràng hạt, tay trái đặt ở đầu gối như thế xoa,vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là hai tay phải trái cầm chuỗi tràng hạt trì niệm, đội trên đỉnh đầu 3 lần,làm tượng Quy Mệnh.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC ĐÁT THA
NGHIỆT ĐA (tất cả Như Lai) NHẬP PHỘC LA (quang minh) BỐ NHẠ (tay) MẪU
LẬT LA HÀM (ấn lên tôi) SA PHỘC HẠ

ॐ वज्रधर्म सर्व तथगत ज्वल भुजा मुद्रां भुजा

*OM VAJRADHARMA SARVA TATHAGATA JVALA BHUJA (?
BHUJA) MUDRA MAM SVÀHÀ.

30_ **Bảo Đạc Thủ** (Tay cầm cái chuông báu):



_ Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Mañi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_Câu thứ 33 trong văn của bài Chú là: **"Giá la giá la"** dịch nghĩa là *hành động* tức **Bảo Đạc Thủ Nhân** trong tượng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni:** Bản dịch của Tam Tạng **BẮT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tượng tay thứ 35 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm màu nhiệm thì nên cầu nơi tay Bảo Đạc (Cái chuông báu nhỏ)”

— **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 30:

“Nếu người nào vì thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm thượng diệu thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái chuông báu (Bảo Đạc)”

— **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 30 là:

Nếu muốn thành tựu Phạm Âm thượng diệu (âm thanh tiếng Phạm tuyệt diệu) nên tác pháp Bảo Đạc (cái chuông báu nhỏ) Tượng PHÁP ÂM QUÁN TỰ TẠI,xong tay trái cầm cái chuông Kim Cương báu, tay phải nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là đem 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay cào nhẹ 3 lần.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) PHỆ XẢ HỘC (chuông vui hô) TẮT ĐÀ MỘT LA HA MA NGỘT LÝ (Phạm âm thành tựu) A KHẮT XOA LA (vô tận) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म वेसा हर्म सिद्धा ब्रह्मा हरिः

* OM VAJRADHARMA VE'SA HOH SIDDHA BRAHMA HRİH (?KR) AKṢÀYA (?AKṢARA) SVÀHÀ.

31_ **Bảo Ấn Thủ** (Tay cầm cái Ấn báu):



— Tay thứ ba trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 24 trong văn của bài Chú là: **”Tát bà tát bà”** dịch nghĩa là *tất cả lợi lạc* tức **Bảo Ấn Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 24 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn thành tựu miệng nói , biện luận hay khéo thì nên cầu nơi tay Bảo Ấn”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 31:

“Nếu người nào vì Khẩu Nghiệp biện luận khéo léo thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Ấn báu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 31 là:

Nếu muốn thành tựu diệu biện tài (biện thuyết khéo léo) nên tác pháp Bảo Ấn. Tướng **TRÍ ẤN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**... chỉ có tay phải đặt trên trái tim cầm cái hình ấn báu, tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là dùng tay phải ấn lên trái tim.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHỈ NHƯỜNG NẮNG MẪU LẬT LA (Trí Ấn) NI THẤP PHỘC NẮNG (Mọi loại Pháp) MA HỘ NA DÃ (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म ज्ञानमूर्ध्नि शिवम मन्त्राय नमः

* OM VAJRA DHARMA JÑÀNA MUDRA (?MUDRÀNI) VI'SVANA (? VI'SVA-JÑÀNA) MAHÀ NÀYA (?NAYA) SVÀHÀ.

32_ **Câu Thi Thiết Câu Thủ** (Tay cầm cây Thiết Câu):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 31 trong văn của bài Chú là: **”Địa lợi ni”** dịch nghĩa là *che giữ sự chẳng lành* tức **Câu Thi Thiết Câu Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 17 trong Kinh Văn:

”Nếu muốn Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi tay Câu Thi Thiết Câu”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 32:

”Nếu người nào vì Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Câu Thi Thiết Câu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 32 là:

Nếu muốn Trời, Rồng,Thiện Thần đến gia hộ nên tác Pháp Thiết Câu.Tượng **CÂU TRIỆU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT** ấy.... chỉ có tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền đặt ở eo,vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là: Tay trái nắm quyền,dựng ngón trở như hình móc câu mà triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **CÂU XA NHÀ** (Câu triệu) **TÁT PHỘC ĐỀ PHÊ NẮNG NGHỆ** (Tất cả Trời Rồng) **LA KHẮT XOA HÀM** (ủng hộ) **SA PHỘC HA.**

ॐ वक्रवक्र वक्रवक्र वक्र वक्रवक्र वक्र वक्र वक्र वक्र वक्र

* OM VAJRA DHARMA AMKU'SA JAH SARVA DEVE NÀGE
RAKṢA MAM SVÀHÀ.

33_ **Tích Trượng Thủ** (Tay cầm cây Tích Trượng):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_ Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **”Di đế lợi dạ”** dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Tích Trượng Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 18 trong Kinh Văn:

”Nếu vì Từ Bi muốn che giúp tất cả Chúng Sinh thì nên cầu nơi tay Thiết Trượng”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 33:

”Nếu người nào vì Từ Bi che giúp tất cả chúng sinh thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Tích Trượng”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 33 là:

Nếu người cầu Tâm Từ Bi nên tác Pháp Tích Trượng. Tướng TỪ TRƯỢNG QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.....xong tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái để ở rốn hướng lên trên, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Hai tay cài buộc bên trong, Hoả luân (ngón giữa) vững chắc viên mãn như hình Tích Trượng.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TAM MUỘI GIA (Bản
thệ) MA HA CA LÔ NI CA GIA (Đầy đủ Tâm Đại Bi) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म समया महाकरुणिकाया स्वहा.

*OM VAJRADHARMA SAMAYA MAHA-KARUNIKAYA SVÀHÀ.

34_ **Hợp Chưởng Thủ** (Hai tay chấp lại):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kula) của Mật Pháp,
là Pháp Kính Ai (Puṣṭika)

_Câu thứ 44 trong văn của bài Chú là:”**Tất lợi tất lợi**” dịch nghĩa là *Thù
thắng cát tường* tức **Hợp Chưởng Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng
BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn khiến cho tất cả Quỷ ,Thần, Rồng, Rắn, Cọp ,Sói Sư Tử, Người, Phi
Nhân thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi tay Hợp Chưởng*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM
ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 34:

“*Nếu người nào vì tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên
cầu nơi bàn tay Hợp Chưởng*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay
Ấn thứ 34 là:

Nếu cầu được người kính yêu nên tu Pháp Hợp Chưởng.Tượng HIỆN KÍNH
QUÁN TỰ TẠI BỒ Tát....chỉ có hai tay để ngang trái tim tác Liên Hoa Hợp
Chưởng, tượng thành xong.



Tướng Ấn đó như tay Ấn của tượng.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẮT ĐÀ PHỘC THÍ CA LA (Thành tựu Kính Ái) SA PHỘC HA.

ॐ वज्रधर्म सिद्धा वासिकारणा स्वहा

* OM VAJRA DHARMA SIDDHA VA'SIKARANA (?VA'SOKARA) SVÀHÀ.

35_ **Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật):



_Tay thứ nhất trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathàgata-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai ('Santika)

_Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: "A la sâm" dịch nghĩa là *tự tại nơi Pháp* tức **Hóa Phật Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẮT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 37 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn đời đời sinh ra chẳng xa lìa và ở bên cạnh chư Phật thì nên cầu ở tay Hóa Phật"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 35:

"Nếu người nào vì đời đời chẳng lìa bên chư Phật thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Phật"

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 35 là:

Nếu người muốn chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì có thể tu Pháp Hóa Phật .Tượng **BÁT LY QUÁN TỰ TẠI**.... chỉ có trên lòng bàn tay trái đặt vị Hoá Phật, tay phải làm cái bàn đỡ Tòa Hóa Phật,vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: chắp hai tay lại giữa rỗng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẮT ĐÀ BA LA MẬT ĐÀ (Thành tựu đạo bỉ ngạn) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्मसिद्धापारमिता स्वहा

*OM VAJRA DHARMA SIDDHA PÀRAMITA (?PÀRAMITÀ) SVÀHÀ.

36_ **Hóa Cung Điện Thủ** (Tay Hóa Cung Điện):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: **”Phạt ma la”** dịch nghĩa là *tối thắng ly cấu* tức **Hóa Cung Điện Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 38 trong Kinh Văn:

”Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện của Phật, chẳng ở trong bào thai để thọ thân thì nên cầu nơi tay Hóa Cung Điện”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 36:

”Nếu người nào vì đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện của Phật, chẳng nhận thân ở trong bào thai thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Cung Điện”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh:** Tướng tay Ấn thứ 36 là:

Nếu muốn chẳng thọ thân trong bào thai nên tác Pháp Cung Điện. Tượng ĐẠI THẾ QUÁN TỰ TẠI.....xong tay trái cầm cái hình Cung Điện,tay phải co cánh tay hướng ra ngoài hiển chưởng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là:Hai tay cài nhau bên trong,dựng đứng 2 ngón giữa,co như hình cái điện.

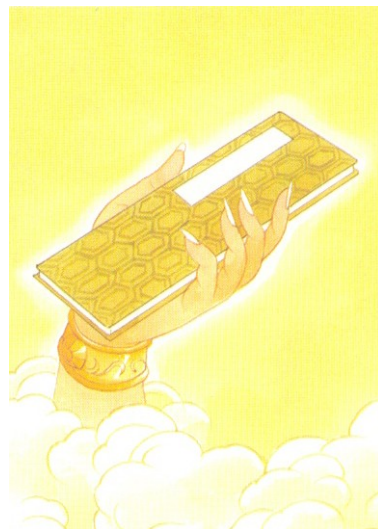
Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC BÁ DÃ NHẠ HẠ DÃ (Hoại tất cả nẻo ác) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्वपापनाशाय ह्रीं

*OM VAJRA DHARMA SARVA APÀYA-JAHÀYA SVÀHÀ.

37_ **Bảo Kinh Thủ** (Tay cầm quyển Kinh báu):



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Mañi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_Câu thứ 53, 54,55,56 trong văn của bài Chú là: **"Tất đà dạ, sa bà ha, ma ha tất đà dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu Trí Tuệ* tức **Bảo Kinh Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni:** Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 39 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn thông minh, nghe nhiều học rộng chẳng quên mất thì nên cầu nơi tay Bảo Kinh (Quyển Kinh báu)"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 37:

“Nếu người nào vì nghe nhiều học rộng thì nên cầu nơi bàn tay cầm quyển Kinh báu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 37 là:

Nếu người cầu đa văn nên tác Pháp Bát Nhã Kinh. Tượng BÁT NHÃ QUÁN TỰ TẠI.....chỉ có tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn xuất sinh Bát Nhã Lý Thú Kinh, tay trái kết Quyển Ấn, tượng thành xong.



Tượng Ấn dùng Phạm Giáp Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT LA NHẠ (Bát Nhã hay Trí Tuệ) TỐ ĐẠT TẬN (quyển Kinh) MA HA NA DA (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म प्रज्ञासुत्रं महान्याय सूत्रं

* OM VAJRA DHARMA PRAJÑA (PRAJÑA)- SUTRAM MAHÀ-NÀYA (?NAYA) SVÀHÀ.

38_ **Bất Thoái Kim Luân Thủ** (Tay cầm bánh xe báu):



_ Tay thứ năm trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kula) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicàruka)

_ Câu thứ 46 trong văn của bài Chú là: **“Bồ đề dạ bồ đề dạ”** dịch nghĩa là *Giác Đạo Giác Tâm* tức **Bất Thoái Kim Luân Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 40 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn từ thân này cho đến được Phật Thân chẳng bị thoái chuyển Tâm Bồ Đề thì nên cầu nơi tay Bất Thoái Kim Luân”

_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 38:

“Nếu người nào vì từ Thân hiện tại cho đến Thân Phật, Tâm Bồ Đề thường chẳng thoái chuyển thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bất Thoái Kim Luân”

_ Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 38 là:

Nếu vì Tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển nên tu Pháp Bất Chuyển Luân. Tướng BẤT CHUYỂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT... xong tay phải cầm Kim Luân (bánh xe vàng) tay trái ấn tòa làm thế bất động, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay trái ấn mặt đất ,tay phải nắm quyền dựng Phong (ngón trỏ) và Không (ngón cái) như thế cầm bánh xe.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT ĐÀ BỒ ĐỊA CHẤT ĐÁ (Thành tựu Tâm Bồ Đề) PHỘC LẬT NA CHƯỚC KHẮT LA (Kim luân) A TÁT NOA (không có lay động) SA PHỘC HA.

ॐ वज्रधर्म (सिद्ध बभ्रवश्च सुवर्णचक्रं सुवर्णं हृत्

* OM VAJRADHARMA SIDDHA BODHICITTA SUVARNACAKRA (VARNA-CAKRA) ACALA (?ASÀDA) SVÀHÀ.

39_ **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật trên đỉnh đầu)



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kula) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akaraṣaṇi)

_ Câu thứ 47 trong văn của bài Chú là: **”Bồ đà dạ bồ đà dạ”** dịch nghĩa là *Trí giả Giác giả* tức **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 25 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký thì nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 39:

“Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến xoa đỉnh đầu thọ ký thì nên cầu nơi bàn tay Đỉnh Thượng Hóa Phật”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 39 là:

Nếu người muốn được tất cả Như Lai quán đỉnh thọ ký nên tu pháp Đỉnh Thượng Hoá Phật. Tướng QUÁN ĐỈNH QUÁN TỰ TẠI..... chỉ có 2 tay quyền, trên đỉnh đầu đặt vị Hóa Phật, vẽ tướng xong.



Tướng ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, dựng kèm 2 ngón cái dè lên bên cạnh ngón trỏ. Đem ấn đặt ở đỉnh đầu, rồi bung ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TỶ TRU GIẢ (Quán đỉnh) BÁT LA ĐỂ XA (truyền cho) BỒ ĐÀ ĐẠT LA NI (Phật Địa) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म अभिसािका धारणा स्वहा

* OM VAJRADHARMA ABHISAİKA (?ABHISIÑCA) PRATICCHA BUDDHA DHÀRANÀM (?DHARAÑI) SVÀHÀ.

40_ **Bồ Đào Thủ** (Tay cầm chùm Bồ Đào):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Mañi-kula) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Va'sikaraṇa)

_ Câu thứ 66,67 trong văn của bài Chú là: ”**Sa bà ma ha a tất đà dạ, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu vô lượng* tức **Bồ Đào Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 41 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn có được quả trái, các thứ lúa gạo thì nên cầu nơi tay Bồ Đào”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 40:

“Nếu người nào vì quả trái, các thứ lúa đậu thì nên cầu nơi bàn tay cầm chùm Bồ Đào”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 40 là:

Nếu vì thành tựu ngũ cốc ,tất cả thực vật nên tu Pháp Bồ Đào.Tượng HỘ ĐỊA QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái cầm chùm Bồ Đào, tay phải là thế Thí Nguyễn Khế, tượng đó thành rồi.



Tượng Ấn là: quyền trái đặt ở eo, tay phải duỗi các ngón ấn lên mặt đất.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẮT ĐÀ ĐẠT LA NI, SA LA, SA LA (địa vị thành tựu) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सिद्धा धारणाम् साला साला ह्रूं

* OM VAJRA DHARMA SIDDHA DHÀRÀNAM SALA SALA (? DHARAṆI-RASA SARA) SVÀHÀ.

41_ **Cam Lộ Thủ** (Tay hóa nước Cam Lộ):



_Câu thứ 45 trong văn của bài Chú là “**Tô lô tô lô**” dịch nghĩa là *Cam Lộ* tức **Cam Lộ Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ nhất trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tất cả Hữu Tình đang bị đói khát và các Quỷ đói được mát mẻ trong lành thì nên cầu ở tay Cam Lộ”

Chân Ngôn là :

“ **Án_ Tô lô tô lô, bát la tô lô, bát la tô lô, tô lô, tô lô dã_ sa-phộc ha “**

ॐ शुभ शुभ सुसु सुसु शुभ शुभ सु सु

* OM_ SURU SURU PRASURU PRASURU SURU SURUYA (?SRU SRU PRASRU PRASRU SRU SRUYA)_ SVÀHÀ

42_ **Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ:**

Tán Thiên Quang Nhãn Chú:

NAMO SAHASRA-BHUVÀYA SAHASRA-JVALA-NETRE MAHÀ
PADMA RÀJA (?RÀJÀYA) SARVA APÀYA-JAHÀYA VI'SUDDHA
(SVÀHÀ)

Thiên Thủ Quán Âm Tổng Nhiếp Thân Ấn Chú:

(Quy Mệnh) TADYATHÀ: ABADHA ABADHA_ BALI-VATE-EHYEHI
SVÀHÀ

Quán Tự Tại Bồ Tát Căn Bản Chú:

OM _ HRÌḤ PADMA NARTE'SVARA HÙM